

Các quy định về khen thưởng ghi trong điểm 4, phần III thông tư này thay thế quy định thưởng cho người có công phát hiện, tham gia bắt giữ kẻ phạm pháp về lâm nghiệp, tại thông tư số 12-KL ngày 24-3-1982 của Bộ Lâm nghiệp về việc thu tiền nuôi rừng.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Về việc xử phạt hành chính đối với các vi phạm luật lệ bảo vệ rừng đã được Bộ Lâm nghiệp quy định tại thông tư số 3984-LN/KL ngày 15-10-1977 là một văn bản pháp luật hiện hành. Thông tư hướng dẫn này chỉ vận dụng để xét, xử lý hành chính đối với các hành vi đầu cơ, mua bán, vận chuyển và kinh doanh trái phép lâm sản là vật tư, hàng hóa trong lĩnh vực lưu thông.

2. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức lâm nghiệp các cấp, các chi cục kiểm lâm nhân dân, hạt kiểm lâm nhân dân cấp tỉnh, thành phố, các hạt kiểm lâm nhân dân, hạt kiểm soát lâm sản là cơ quan được Bộ Lâm nghiệp giao quyền hạn trực tiếp xét, quyết định xử lý hành chính theo thông tư này. Các cơ quan lâm nghiệp, các tổ chức kiểm lâm nhân dân các cấp phải tranh thủ sự lãnh đạo của Ủy ban nhân dân cùng cấp, phối hợp chặt chẽ với các ngành liên quan ở địa phương như công an, tài chính, viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân và phải tổ chức cho cán bộ, nhân viên trong đơn vị nghiên cứu quán triệt nghị định số 46-HĐBT ngày 10-5-1983 của Hội đồng bộ trưởng và thông tư hướng dẫn này để xét, xử phạt đúng pháp luật.

3. Những quy định trước đây về xử phạt hành chính các hành vi tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép lâm sản trái với thông tư này thì nay bãi bỏ.

4. Thông tư hướng dẫn này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

5. Cục trưởng Cục kiểm lâm nhân dân có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thi hành thông tư hướng dẫn này.

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 1983

K.T. Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp

Thủ trưởng

TRẦN SƠN THUY

BỘ THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

THÔNG TƯ số 15 - TBXH ngày 15-10-1983 hướng dẫn thi hành quyết định số 199-HĐBT ngày 15-12-1982 của Hội đồng bộ trưởng.

Thi hành điểm i trong điều 3 của quyết định số 199-HĐBT ngày 15-12-1982 của Hội đồng bộ trưởng⁽¹⁾, Bộ Thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện như sau.

I. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP KHAI THÁC THAN, THÂM NIÊN NGHỀ KHI VỀ HƯU, NGHỈ VIỆC VÌ MẤT SỨC LAO ĐỘNG

1. Quy định trong điểm i nói trên thi hành cho công nhân đang làm việc ở mỏ

(1) điểm i, điều 3:

Công nhân mỏ than hầm lò khi về hưu, hoặc nghỉ việc vì mất sức lao động được tính tiền trợ cấp (kể cả trợ cấp một lần khi mới về và trợ cấp hàng tháng) trên cơ sở lương chính mới cộng với các khoản phụ cấp khai thác than, thâm niên nghề, khu vực (nếu có).

than hầm lò về hưu, nghỉ việc vì mất sức lao động (bao gồm cả mất sức lao động do tai nạn lao động, do bệnh nghề nghiệp) từ ngày 1 tháng 12 năm 1982 trở đi, cụ thể là:

a) Công nhân khai thác than lò chợ (tên cũ là thợ chống, cuốc), công nhân đào lò chuẩn bị và đào lò xây dựng cơ bản.

b) Công nhân bán mìn, công nhân vận tải thủ công trong hầm lò.

Quản đốc, đốc công, ca trưởng, đội trưởng, lò trưởng, công nhân cấp cứu mỏ làm việc ở các công trường, phân xưởng khai thác và xây dựng than hầm lò.

c) Công nhân cơ điện và các loại công nhân khác làm việc trong hầm lò.

2. Những người trước khi về hưu hoặc nghỉ việc vì mất sức lao động đã chuyển sang công việc ngoài hầm lò không thuộc đối tượng thi hành quyết định trên.

II. TÍNH TRỢ CẤP HƯU TRÍ, MẤT SỨC LAO ĐỘNG

1. Những người thuộc đối tượng nói trên về hưu hoặc nghỉ việc vì mất sức lao động được tính tiền trợ cấp hàng tháng trên cơ sở lương chính mới cộng với phụ cấp khai thác than, phụ cấp thâm niên nghề và phụ cấp khu vực (nếu có). Dưới đây nói rõ thêm:

a) Phụ cấp khai thác than được tính bằng 40% lương chính mới theo quyết định số 250-CT ngày 11-11-1981 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng.

b) Phụ cấp thâm niên nghề tính như sau:

— Những người đã làm việc liên tục trong hầm lò từ trên 3 năm (36 tháng 1 ngày) đến 6 năm, mức phụ cấp thâm niên hàng tháng bằng 5% lương chính mới.

— Từ trên 6 năm đến 9 năm, mức phụ cấp bằng 8%.

— Từ trên 9 năm đến 12 năm, mức phụ cấp bằng 11%.

— Từ trên 12 năm đến 15 năm, mức phụ cấp bằng 15%.

— Từ trên 15 năm: công nhân nhóm I (nói tại điểm a, mục I ở thông tư này) mỗi năm tăng thêm 2%, nhiều nhất không quá 25% lương chính mới; công nhân nhóm II và III (nói tại điểm b và c, mục I ở thông tư này) mỗi năm tăng thêm 1%, nhiều nhất không quá 25% lương chính mới.

Phụ cấp thâm niên nghề chỉ tính trên những năm trực tiếp làm việc trong hầm lò; nếu trước đây có cả thời gian làm việc ngoài hầm lò và trong hầm lò thì được cộng những thời gian làm việc trong hầm lò để tính phụ cấp thâm niên, còn thời gian làm việc ngoài hầm lò thì không tính thâm niên.

2. Khoản phụ cấp khu vực và các khoản tiền trợ cấp một lần, trợ cấp lần đầu khi về hưu, nghỉ việc vì mất sức lao động vẫn tính như quy định hiện hành.

III. THỦ TỤC THI HÀNH

1. Quyết định số 199-HĐBT thi hành kể từ ngày 1 tháng 12 năm 1982. Những người làm việc ở mỏ than hầm lò đã nghỉ việc từ ngày 1-12-1982 trở đi và thuộc diện trên, nếu chưa được tính trợ cấp theo quy định này thì đơn vị quản lý người đó trước khi về nghỉ việc có trách nhiệm ra quyết định điều chỉnh trợ cấp và gửi cho Sở thương binh và xã hội nơi đương sự cư trú để điều chỉnh vào sổ trợ cấp, bia lĩnh tiền. Những người này được truy lĩnh số tiền trợ cấp chênh lệch hàng

tháng kể từ ngày về nghỉ (kể cả tiền chênh lệch khoản trợ cấp một lần và lần đầu) do Sở thương binh và xã hội nơi đương sự đang cư trú chi trả.

2. Từ nay, trong hồ sơ và bản quyết định về hưu, nghỉ việc vì mất sức lao động của công nhân mỏ than hầm lò phải ghi rõ các khoản phụ cấp khai thác than, thâm niên nghề theo quy định ở thông tư này để bảo đảm đúng chế độ cho công nhân.

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 1983

K.T. Bộ trưởng

Bộ Thương binh và xã hội

Thủ trưởng

TRẦN HIẾU

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

THÔNG TƯ số 10 - NH/TT ngày 10-12-1983 hướng dẫn thi hành Pháp lệnh ngày 25 tháng 11 năm 1983 của Hội đồng Nhà nước và nghị định số 145-HĐBT ngày 6-12-1983 của Hội đồng bộ trưởng về việc phát hành công trái xây dựng Tổ quốc.

Hội đồng Nhà nước đã ban hành Pháp lệnh ngày 25 tháng 11 năm 1983 về việc phát hành công trái xây dựng Tổ quốc và ngày 6 tháng 12 năm 1983 Hội đồng bộ trưởng đã ra nghị định số 145-HĐBT quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh này.

Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn việc thi hành Pháp lệnh và

nghị định về việc phát hành công trái trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước như sau.

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước giao hệ thống quỹ tiết kiệm xã hội chủ nghĩa thực hiện nghiệp vụ bán và thanh toán công trái thu và ghi bằng tiền, công trái thu và ghi bằng thóc. Việc bán và thanh toán công trái thu và ghi bằng ngoại tệ do hệ thống Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam đảm nhiệm.

2. Tiền bán và thanh toán công trái thu và ghi bằng tiền, bằng thóc, bằng ngoại tệ, được Ngân hàng Nhà nước, quỹ tiết kiệm xã hội chủ nghĩa và Ngân hàng Ngoại thương hạch toán vào các tài khoản kế toán. Ngân hàng Nhà nước, quỹ tiết kiệm và Ngân hàng Ngoại thương.

3. Khi kết thúc từng đợt vận động mua công trái, quỹ tiết kiệm các cấp và Ngân hàng Ngoại thương phải quyết toán số tiền thu về bán công trái của từng đợt. Số công trái bán thường xuyên sau đợt vận động lớn được tổng hợp báo cáo theo định kỳ hàng tháng, hàng năm.

4. Việc thanh toán tiền thu về bán công trái với Ngân sách trung ương và quyết toán toàn bộ chi phí của Ngân hàng phục vụ cho việc phát hành công trái do Ngân hàng Nhà nước trung ương đảm nhiệm.

5. Việc phát hành công trái thu và ghi bằng ngoại tệ thực hiện theo quy định tại văn bản riêng của tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước.